

35/2025 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH PHÚ YÊN – LUỒNG VŨNG RÔ – Độ sâu, hoa la bàn

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo số 71, 72/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN5VR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 03 tháng 4 năm 2025)

Chèn	Độ sâu	20 ₄	12°50'58.28"N	109°25'01.09"E
		20 ₈	12°50'42.79"N	109°24'49.95"E
		21	12°50'39.88"N	109°24'58.31"E
		21	12°50'31.43"N	109°24'54.99"E
		21 ₅	12°50'18.97"N	109°24'55.79"E
		22	12°50'20.14"N	109°25'09.38"E
		12 ₉	12°51'43.29"N	109°24'23.62"E
		19	12°50'55.33"N	109°24'33.03"E
		18 ₈	12°50'54.31"N	109°24'28.84"E
		19 ₂	12°50'51.15"N	109°24'29.54"E
		20 ₆	12°50'48.74"N	109°24'48.79"E
		19 ₆	12°50'44.93"N	109°24'31.66"E
Xoá	Độ sâu	20	12°50'59.08"N	109°24'55.96"E
		13 ₃	12°51'43.02"N	109°24'24.34"E
		18 ₇	12°50'54.90"N	109°24'32.91"E
		18 ₄	12°50'53.85"N	109°24'28.73"E
		18 ₉	12°50'50.87"N	109°24'29.76"E
		20 ₂	12°50'48.52"N	109°24'49.43"E
		19 ₃	12°50'44.78"N	109°24'32.27"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 1°08'W 2025 (0'E), gần hướng Bắc của:	20 ₅	12°50'42.19"N	109°24'50.54"E
			12°52'15.00"N	109°24'15.00"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 1°08'W 2025 (0'E), gần hướng Bắc của:		12°51'45.00"N	109°25'00.00"E
Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 1°08'W 2025 (0'E), gần hướng Bắc của:		12°50'45.00"N	109°24'00.00"E

Chỉnh sửa	Mũi tên hướng Bắc và chú giải liên quan, 1°08'W 2025 (0'E), gần hướng Bắc của:	12°50'30.00"N	109°25'15.00"E
--------------	--	---------------	----------------

**Hải đồ ảnh hưởng – VN3KH001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 03 tháng 4 năm 2025)
– VN300018 (Phiên bản 1, cập nhật Ngày 03 tháng 4 năm 2025)**

Chèn	Độ sâu	19	12°50'55.33"N	109°24'33.03"E
Xoá	Độ sâu	18 ₇	12°50'54.90"N	109°24'32.91"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

**35/2025 – VIET NAM – PHU YEN SEA PORT WATER – VUNG RO CHANNEL –
Depths, compass rose**

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.71, 72/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN5VR001 (Edition No. 2, updated on April 3rd, 2025)

Insert	Depth	20 ₄	12°50'58.28"N	109°25'01.09"E
		20 ₈	12°50'42.79"N	109°24'49.95"E
		21	12°50'39.88"N	109°24'58.31"E
		21	12°50'31.43"N	109°24'54.99"E
		21 ₅	12°50'18.97"N	109°24'55.79"E
		22	12°50'20.14"N	109°25'09.38"E
		12 ₉	12°51'43.29"N	109°24'23.62"E
		19	12°50'55.33"N	109°24'33.03"E
		18 ₈	12°50'54.31"N	109°24'28.84"E
		19 ₂	12°50'51.15"N	109°24'29.54"E
		20 ₆	12°50'48.74"N	109°24'48.79"E
		19 ₆	12°50'44.93"N	109°24'31.66"E
Delete	Depth	20	12°50'59.08"N	109°24'55.96"E
		13 ₃	12°51'43.02"N	109°24'24.34"E
		18 ₇	12°50'54.90"N	109°24'32.91"E
		18 ₄	12°50'53.85"N	109°24'28.73"E
		18 ₉	12°50'50.87"N	109°24'29.76"E
		20 ₂	12°50'48.52"N	109°24'49.43"E
		19 ₃	12°50'44.78"N	109°24'32.27"E
		20 ₅	12°50'42.19"N	109°24'50.54"E

Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 1°08'W 2025 (0'E), close N of:	12°52'15.00"N	109°24'15.00"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 1°08'W 2025 (0'E), close N of:	12°51'45.00"N	109°25'00.00"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 1°08'W 2025 (0'E), close N of:	12°50'45.00"N	109°24'00.00"E
Amend	Magnetic north arrow and associated legend, 1°08'W 2025 (0'E), close N of:	12°50'30.00"N	109°25'15.00"E

**Chart affected – VN3KH001 (Edition No. 2, updated on April 3rd, 2025)
– VN300018 (Edition No. 1, updated on April 3rd, 2025)**

Insert	Depth	19	12°50'55.33"N	109°24'33.03"E
Delete	Depth	18 ₇	12°50'54.90"N	109°24'32.91"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
